

ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN LỊCH SỬ 10
CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC

I. CÂU TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại một cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người được gọi là

- A. hiện thực lịch sử. B. tư duy lịch sử. C. nhận thức lịch sử. D. khám phá lịch sử.

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** đúng về khái niệm lịch sử?

- A. Những gì đã diễn ra trong quá khứ của xã hội loài người.
B. Những nhận thức, hiểu biết của con người về quá khứ.
C. Khoa học nghiên cứu về sự tương tác của con người với xã hội.
D. Sự tưởng tượng của con người về xã hội tương lai.

Câu 3. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng hiện thực lịch sử?

- A. Những nhận thức và hiểu biết của con người về quá khứ.
B. Những câu chuyện kể hoặc tác phẩm ghi chép về lịch sử.
C. Ngành khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người.
D. Những sự kiện xảy ra trong quá khứ, tồn tại khách quan.

Câu 4. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của hiện thực lịch sử?

- A. Có trước lịch sử được con người nhận thức B. Không phụ thuộc vào ý muốn của con người
C. Có tính duy nhất và không thể thay đổi được. D. Được trình bày theo nhiều cách khác nhau.

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm khác biệt của lịch sử được con người nhận thức so với hiện thực lịch sử?

- A. Có tính đa dạng và có thể thay đổi theo thời gian
B. Được tái hiện duy nhất thông qua các bản ghi chép
C. Không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan con người
D. Không chịu sự chi phối của mục đích nghiên cứu

Câu 6. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng khái niệm Sử học?

- A. Là những câu chuyện kể về nguồn gốc loài người
B. Là khoa học nghiên cứu về quá khứ loài người
C. Là những tưởng tượng của con người về tương lai
D. Là nghiên cứu về sự hình thành và phát triển của vũ trụ

Câu 7. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đối tượng nghiên cứu của Sử học?

- A. Những hoạt động của con người trong quá khứ.
B. Quá trình hình thành và phát triển của vũ trụ.
C. Những hoạt động của con người trong tương lai.
D. Quá trình tiến hóa của các sinh vật trên Trái Đất.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** phải là đối tượng nghiên cứu của Sử học?

- A. Quá trình hình thành, phát triển, suy vong của một dân tộc.

B. Quá trình hoạt động, đóng góp của một cá nhân trong quá khứ

C. Hoạt động ngoại giao của một quốc gia trong quá khứ

D. Những hiện tượng tự nhiên xảy ra trong quá khứ.

Câu 9. “Khôi phục lại hiện thực lịch sử một cách chính xác, khách quan” là chức năng nào sau đây của Sử học?

A. Khoa học B. Xã hội C. Giáo dục D. Dự báo

Câu 10. “Giúp con người hiểu được các quy luật phát triển của xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm cho cuộc sống hiện tại” là chức năng nào sau đây của Sử học?

A. Khoa học **B. Xã hội** C. Giáo dục D. Dự báo

Câu 11. Một trong những lí do cần khám phá lịch sử suốt đời là giúp mỗi người

A. bắt kịp những công nghệ mới. **B. làm giàu tri thức cho bản thân.**

C. hoàn thiện năng lực thẩm mĩ. D. hoàn thiện năng lực tính toán.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng lý do cần thiết phải học tập, khám phá lịch sử suốt đời?

A. Tri thức lịch sử có sự biến đổi và phát triển không ngừng

B. Nhiều sự kiện lịch sử trong quá khứ chưa được làm sáng tỏ

C. Nhu cầu đúc rút kinh nghiệm quá khứ cho cuộc sống hiện tại

D. Học tập lịch sử là cách duy nhất để hội nhập quốc tế thành công

Câu 13. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống ?

A. Góp phần hình thành lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.

B. Giúp những người hiểu về lịch sử đều trở thành nhà sử học

C. Đặt cơ sở cho sự ra đời của mọi ngành khoa học.

D. Giúp giải quyết được mọi mâu thuẫn trong xã hội.

Câu 14. Toàn bộ những tri thức, hiểu biết, suy nghĩ của con người về quá khứ được gọi là

A. hiện thực khách quan lịch sử. **B. lịch sử được con người nhận thức.**

C. cách thức sưu tầm lịch sử. D. phương pháp nghiên cứu lịch sử.

Câu 15. Đối tượng nghiên cứu của Sử học mang đặc điểm nào sau đây ?

A. Phổ cập. **B. Toàn diện.** C. Tâm linh. D. Hiện đại.

Câu 16. Toàn bộ những hình thức khác nhau của tư liệu lịch sử, chứa đựng những thông tin về quá khứ loài người được gọi là

A. sử liệu B. truyền thuyết C. ngữ liệu D. văn bản

Câu 17. Một trong những khâu quan trọng trong nghiên cứu, học tập, tìm hiểu lịch sử là

A. hạch toán kinh doanh. **B. thu thập nguồn sử liệu.**

C. xây dựng phiếu điều tra. D. tiến hành thí nghiệm

Câu 18. Phân loại, đánh giá, thẩm định, so sánh nguồn sử liệu là các bước cơ bản của quá trình

A. xử lý thông tin sử liệu B. tiến hành thí nghiệm lịch sử

C. sưu tầm, thu thập sử liệu D. tìm hiểu các di chỉ khảo cổ

Câu 29. Những bài học kinh nghiệm trong lịch sử có giá trị như thế nào đối với cuộc sống hiện tại và tương lai của con người?

A. Giúp con người kế thừa mọi yếu tố trong quá khứ.

B. Giúp con người làm chủ hoàn toàn cuộc sống tương lai.

C. Giúp con người tránh lặp lại sai lầm trong quá khứ.

D. Là yếu tố quyết định đến tương lai của con người.

Câu 20. Cần học tập lịch sử suốt đời vì tri thức lịch sử

A. liên quan và ảnh hưởng quyết định đến tất cả mọi sự vật, hiện tượng.

B. chưa hoàn toàn chính xác, cần sửa đổi và bổ sung thường xuyên.

C. rất rộng lớn và đa dạng, lại biến đổi và phát triển không ngừng

D. giúp cá nhân hội nhập nhanh chóng vào cuộc sống hiện đại

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước hàng vạn quần chúng nhân dân, chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước VNDCCH, đánh dấu thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945.

Nhận xét về sự kiện lịch sử này, có hai luồng ý kiến trái ngược nhau:

Luồng ý kiến thứ nhất cho rằng đây là kết quả của quá trình kết hợp nhuần nhuyễn những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi.

Luồng ý kiến thứ hai cho rằng, cách mạng tháng Tám thành công là nhờ ăn may.

a. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội), chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập là hiện thực lịch sử. **Đ**

b. Cách mạng tháng Tám “là kết quả của quá trình kết hợp nhuần nhuyễn những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi ” là lịch sử được con người nhận thức. **Đ**

c. Một trong những nguyên nhân dẫn đến nhận thức về sự kiện cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công có sự khác nhau là do quan điểm tiếp cận khác nhau. **Đ**

d. Tất cả những nhận thức về sự kiện cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công đều khách quan, trung thực, phản ánh đúng bản chất sự kiện. **S**

Câu 2. Đọc hai đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Sử để ghi việc, mà việc hay hoặc dở đều dùng làm gương răn cho đời sau”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.101)

Tư liệu 2:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

(Hồ Chí Minh, *Lịch sử nước ta*, 1942)

a. Đoạn tư liệu 1 vừa phản ánh chức năng khoa học, vừa phản ánh chức năng xã hội của Sử học. **Đ**

b. “...việc hay hoặc dở đều dùng làm gương răn cho đời sau” phản ánh nhiệm vụ cung cấp tri thức khoa học của Sử học. **S**

c. Ở đoạn tư liệu 2, Hồ Chí Minh khuyến khích nhân dân ta nên tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử nước nhà. **S**

d. Ý nghĩa sâu xa của cả hai đoạn tư liệu là đều nhấn mạnh tầm quan trọng của tri thức lịch sử đối với một quốc gia, dân tộc. **Đ**

CHỦ ĐỀ 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

I. CÂU TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Di sản văn hóa là một bộ phận quan trọng của

- A. toán học **B. lịch sử** C. công nghệ D. kĩ thuật

Câu 2. Di sản văn hoá là những sản phẩm tinh thần, vật chất, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, có giá trị

- A. lịch sử, văn hoá.** B. kinh tế, chính trị. C. luật pháp, văn hoá. D. khoa học, công nghệ.

Câu 3. Ngành khoa học nào sau đây góp phần quan trọng trong bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Sinh vật học. **B. Sử học.** C. Y học. D. Giải phẫu học.

Câu 4. Các loại hình di sản văn hóa có ý nghĩa nào sau đây đối với lĩnh vực Sử học?

- A. Quyết định nhất đối với sự tồn tại và phát triển của Sử học.
B. Quyết định chính sách của Nhà nước đối với khoa học lịch sử.
C. Là nguồn tư liệu và cơ sở để nghiên cứu, tái hiện lại lịch sử.
D. Là nguồn sử liệu phi chính thống trong nghiên cứu lịch sử.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là biểu hiện về mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học quyết định sự tồn tại của tất cả các di sản văn hóa
B. Di sản là nguồn sử liệu thành văn cho nghiên cứu lịch sử.
C. Nghiên cứu Sử học tạo cơ sở khoa học cho bảo tồn di sản.
D. Di sản quyết định trực tiếp sự tồn tại của khoa học lịch sử.

Câu 6. Giá trị lịch sử của di sản được giữ gìn thông qua việc

- A. kiểm kê. **B. bảo tồn.** C. xây dựng. D. làm mới.

Câu 7. Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa là phải đảm bảo tính

- A. kế thừa. **B. nguyên trạng.** C. tái tạo. D. nhân tạo.

Câu 8. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá **không** phải là hoạt động

- A. tiến hành xây mới các di tích, hiện đại hoá di tích.**
B. đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc.
C. đem lại hiệu quả thiết thực phát triển kinh tế, xã hội.
D. hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội

Câu 9. Nội dung nào sau đây phản ánh **không đúng** vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên?

- A. Là cách duy nhất để quảng bá lịch sử, văn hóa của đất nước ra bên ngoài.**
B. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên đối với di sản.
C. Góp phần gìn giữ và lưu truyền di sản văn hoá phi vật thể cho thế hệ sau.
D. Giáo dục con người nhớ về cội nguồn và trách nhiệm với tổ tiên, cộng đồng.

Câu 10. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** vai trò của công tác bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên đối với di sản.
B. Giúp giữ gìn và lưu truyền giá trị của di sản từ thế hệ này sang thế hệ khác.
C. Góp phần ngăn chặn tình trạng xuống cấp, biến dạng và hư hỏng của di sản.
D. Tạo nhân tố quyết định cho sự phát triển của kinh tế, xã hội của địa phương.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** vai trò của công tác bảo tồn các di sản thiên nhiên?

A. Hình thành ý thức hướng về cội nguồn.

B. Giúp duy trì kỉ ức và bản sắc cộng đồng.

C. Góp phần giáo dục truyền thống yêu nước.

D. Góp phần phát triển sự đa dạng sinh học.

Câu 12. Một trong những di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam là

A. Đàn ca tài tử Nam Bộ.

B. Hoàng thành Thăng Long.

C. Mộc bản triều Nguyễn.

D. phố cổ Hội An.

Câu 13. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá là hoạt động

A. tìm kiếm, lưu giữ và bảo vệ các giá trị di sản.

B. phát triển và lan tỏa các giá trị di sản.

C. lưu giữ, bảo vệ và lan tỏa các giá trị của di sản.

D. quy hoạch, lưu giữ và bảo vệ các di sản.

Câu 14. Ngày 24/11/2005, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ra Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg, lấy ngày 23/11 hàng năm là “Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam” nhằm giáo dục và phát huy truyền thống nào sau đây của dân tộc ta?

A. Đoàn kết quyết tâm phấn đấu giữ vững những công trình văn hóa hiện đại.

B. Trung thực, tự tôn dân tộc và ý thức trách nhiệm của công dân toàn cầu.

C. Yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ di sản văn hóa.

D. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong công tác tôn tạo di sản văn hóa.

Câu 15. Trong việc phát triển du lịch, yếu tố nào sau đây có vai trò đặc biệt quan trọng?

A. Kết quả hoạt động trong quá khứ của ngành du lịch.

B. Hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp.

C. Những giá trị về lịch sử, văn hóa truyền thống.

D. Sự đổi mới, xây dựng lại các công trình di sản.

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Di sản lịch sử - văn hóa là cầu nối quá khứ - hiện tại – tương lai. Mỗi công trình, quần thể, danh thắng đều là sản phẩm của lịch sử và là thành quả của quá trình lao động, sáng tạo lâu dài. Đó là nền tảng tinh thần và vật chất của mỗi địa phương, cộng đồng, góp phần quan trọng vào việc giáo dục lịch sử, vun đắp truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra thế giới,... Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản là việc làm quan trọng, cần thiết.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ chân trời sáng tạo, tr.14)

a. Bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản là hoạt động lưu giữ, bảo vệ và lan tỏa các giá trị những di sản của thế hệ trước để lại. **Đ**

b. Trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản thuộc về hai đối tượng là các cấp chính quyền và những nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa. **S**

c. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản là việc làm quan trọng, cần thiết, vì đây là cách duy nhất để có thể quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra thế giới. **S**

d. Bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản không chỉ có ý nghĩa giáo dục mà còn mang lại giá trị kinh tế - xã hội to lớn. **Đ**

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong mối quan hệ tương tác hai chiều, du lịch phát triển góp phần thúc đẩy việc bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử của các quốc gia.

Nhu cầu tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm của du khách thôi thúc các cấp chính quyền và nhân dân quan tâm hơn đến việc giữ gìn, bảo tồn, phục dựng và phát huy những giá trị của di tích, di sản. Đó là sự chăm lo bảo tồn và phát huy nguồn lực cốt lõi cho sự phát triển bền vững, hiệu quả của ngành du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.20)

- a. Nội dung chủ đạo của đoạn tư liệu đề cập đến vai trò của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di tích văn hóa. **D**
- b. Du lịch văn hóa là loại hình phổ biến của ngành du lịch, dựa vào nguồn tài nguyên quan trọng là các di tích lịch sử - văn hóa. **D**
- c. Sự phát triển của du lịch là nguyên nhân duy nhất khiến các cấp chính quyền và nhân dân quan tâm đến việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, di sản. **S**
- d. Sự phát triển của ngành du lịch và việc bảo vệ các di tích, di sản có quan hệ tỉ lệ nghịch với nhau. **S**

CHỦ ĐỀ 3

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

I. CÂU TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử được gọi là

- A. văn minh **B. văn hóa** C. chữ viết D. nhà nước

Câu 2. Sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người, trạng thái phát triển cao của văn hóa được gọi là

- A. trí tuệ **B. văn minh** C. xã hội D. đẳng cấp

Câu 3. Nội dung nào sau đây là yếu tố cơ bản để xác định loài người bước vào thời kì văn minh?

- A. Chữ viết, nhà nước.** B. Tín ngưỡng, tôn giáo.
C. Công cụ bằng đá. D. Nguyên tắc công bằng.

Câu 4. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa văn hóa và văn minh?

- A. Điều mang đậm bản sắc riêng của tộc người và có tính khép kín
B. Điều phản ánh những tiến bộ vượt bậc về khoa học học và kĩ thuật
C. Điều là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên
D. Điều bắt đầu xuất hiện khi con người biết sử dụng công cụ bằng sắt

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm khác biệt của văn minh so với văn hóa?

- A. Văn minh ra đời trước văn hóa và hoàn toàn độc lập với văn hóa
B. Văn minh chỉ xuất hiện khi con người biết chế tạo công cụ lao động
C. Văn minh xuất hiện đồng thời với sự xuất hiện con người trên trái đất
D. Văn minh chỉ được sáng tạo trong thời kì phát triển cao của xã hội

Câu 6. Một trong những nền văn minh tiêu biểu của phương Đông thời kì cổ - trung đại là

- A. Hy Lạp B. Rô – ma **C. Ấn Độ** D. La Mã

Câu 7. Thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại được hình thành và phát triển gắn với con sông nào sau đây?

- A. Trường Giang. B. Hoàng Hà. C. Sông Hằng. **D. Sông Nin.**

Câu 8. Nền văn minh Ai Cập cổ đại được hình thành ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Phi** B. Châu Á C. Châu Âu D. Châu Mỹ

Câu 9. Nội dung nào sau đây là nguồn gốc dẫn đến sự xuất hiện sớm của chữ viết ở Ai Cập thời kì cổ đại?

- A. Nhu cầu ghi chép và lưu trữ những gì đã diễn ra**
B. Nhu cầu của sản xuất nông nghiệp đúng thời vụ
C. Nhu cầu sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật
D. Nhu cầu đo đạc lại ruộng đất theo định kì hàng năm

Câu 10. Thành tựu về lĩnh vực nào sau đây của cư dân Ai Cập cổ đại đã được ứng dụng hiệu quả trong việc xây dựng kim tự tháp?

- A. Tôn giáo. **B. Toán học.** C. Tín ngưỡng. D. Chữ viết.

Câu 11. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời sớm của ngành lịch pháp và thiên văn ở Ai Cập cổ đại là do

- A. nhu cầu sản xuất trong nông nghiệp.** B. nhu cầu tính toán trong xây dựng
C. nhu cầu ghi chép và lưu trữ thông tin. D. nhu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng

Câu 12. Kỹ thuật ướp xác là một trong những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Thiên văn **B. Y học** C. Văn học D. Kiến trúc

Câu 13. Kim tự tháp là công trình kiến trúc tiêu biểu của nền văn minh cổ đại nào sau đây?

- A. La Mã. B. Trung Quốc. C. Hy Lạp. **D. Ai Cập.**

Câu 14. Nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại được hình thành ở lưu vực con sông nào sau đây?

- A. Sông Hằng** B. Sông Nin C. Sông Hoàng Hà D. Sông Trường Giang

Câu 15. Nền văn minh Ấn Độ cổ - trung đại được hình thành ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Phi **B. Châu Á** C. Châu Âu D. Châu Mĩ

Câu 16. Chữ viết của Ấn Độ có ảnh hưởng sâu sắc đến chữ viết của nhiều quốc gia ở khu vực

- A. Đông Nam Á** B. Đông Bắc Á C. Mĩ La – tinh D. Đông Nam Âu

Câu 17. Tác phẩm nào sau đây **không** phải thành tựu văn học của Ấn Độ thời cổ - trung đại?

- A. Kinh Vệ - đà. **B. Tây du kí.** C. Ra – ma – y – a - na. D. Ma – ha – bha – ra - ta.

Câu 18. Phật giáo có nguồn gốc từ quốc gia nào sau đây?

- A. Mianma. **B. Ấn Độ.** C. Anh. D. Pháp.

Câu 19. Trong quá trình tồn tại và phát triển, văn minh Ấn Độ đã du nhập tôn giáo nào sau đây từ bên ngoài?

- A. Hồi giáo.** B. Phật giáo. C. Hin-đu giáo. D. Bà La Môn giáo.

Câu 20 Loại hình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại là

- A. pháo đài B. lăng mộ **C. chùa hang** D. thánh đường

Câu 21 Phát minh ra chữ số tự nhiên và số 0 là thành tựu nổi bật của nền văn minh nào sau đây?

- A. Ai Cập. **B. Ấn Độ.** C. Trung Quốc. D. Lưỡng Hà.

Câu 22. Ấn Độ là quê hương của những tôn giáo lớn nào sau đây?

- A. Phật giáo, Đạo giáo. **B. Phật giáo, Hin-đu giáo.**
C. Thiên Chúa giáo, Hồi giáo. D. Phật giáo, Hồi giáo.

Câu 23. Văn hoá truyền thống Ấn Độ có ảnh hưởng rõ nét nhất ở khu vực nào sau đây?

- A. Đông Bắc Á. B. Trung Đông. **C. Đông Nam Á.** D. Tây Á.

Câu 24. Cư dân quốc gia cổ đại nào sau đây đã phát minh ra chữ số 0?

- A. Ai Cập. B. Trung Quốc. **C. Ấn Độ.** D. La Mã.

Câu 25. Nội dung nào sau đây là đặc điểm chung của các nền văn minh Ấn Độ và Trung Hoa thời kì cổ - trung đại?

- A. Theo chế độ quân chủ lập hiến **B. Hình thành gắn với các dòng sông lớn**
C. Xây dựng được nhiều kim tự tháp D. Hình thành gắn với các cuộc chiến tranh

Câu 26. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng điểm tương đồng giữa văn minh Ai Cập cổ đại với văn minh Ấn Độ cổ - trung đại?

- A. Là nơi khởi nguồn của nhiều tôn giáo lớn. B. Thành tựu phong phú, đa dạng trên nhiều mặt
C. Có nền kinh tế nông nghiệp là chủ đạo. D. Sớm tạo ra chữ viết riêng của dân tộc mình

Câu 27. Sự hình thành và phát triển của nền văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại gắn liền với con sông nào sau đây?

- A. Sông Ấn B. Sông Hoàng Hà C. Sông Nin D. Sông Hằng

Câu 28. Nền văn minh Trung Hoa cổ - trung đại được hình thành ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Phi B. Châu Á C. Châu Âu D. Châu Mỹ

Câu 29. Một trong những chữ viết cổ do người Trung Quốc sáng tạo ra là

- A. chữ Nôm B. chữ Phạn C. chữ Kim văn D. chữ La – tinh

Câu 30. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm về chữ viết của cư dân Trung Hoa thời kì cổ - trung đại?

- A. Tiếp thu sáng tạo thành tựu chữ viết bên ngoài
B. Ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia trên thế giới
C. Tạo nền tảng cho hệ chữ viết La – tinh ngày nay

D. Chữ viết nhiều lần được chỉnh lý và phát triển

Câu 31. Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị là những tác giả văn học nổi tiếng của văn minh Trung Hoa với thể loại nào sau đây?

- A. Tiểu thuyết B. Thơ Đường C. Truyện ngắn D. Phóng sự

Câu 32. Tác phẩm nào sau đây **không** phải thành tựu văn học của Trung Quốc thời cổ - trung đại?

- A. I-li-át. B. Tây du kí. C. Hồng lâu mộng. D. Thủy hử.

Câu 33. “Tứ đại danh tác” của nền văn học Trung Quốc thời Minh, Thanh là

- A. Tây du ký, Thủy hử, Hồng lâu mộng, Liêu trai chí dị.
B. Tây du ký, Thủy hử, Đông Chu liệt quốc, Tam quốc diễn nghĩa.
C. Tây du ký, Kim Vân Kiều, Hồng lâu mộng, Tam quốc diễn nghĩa.

D. Tây du ký, Thủy hử, Hồng lâu mộng, Tam quốc diễn nghĩa.

Câu 34. Học thuyết nào sau đây đã trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ quân chủ chuyên chế ở Trung Quốc?

- A. Đạo giáo B. Phật giáo C. Nho giáo D. Hồi giáo

Câu 35. Nhận định nào sau đây phản ánh **không đúng** về giá trị của Nho giáo ở Trung Hoa thời kì cổ - trung đại?

- A. Hệ tư tưởng của giai cấp thống trị thời phong kiến.
B. Góp phần đào tạo nhân tài phục vụ cho đất nước.
C. Giáo dục nhân cách, đạo đức cho con người.

D. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 36. Thành tựu nào sau đây của Trung Quốc là di sản văn hóa thế giới?

- A. Tháp Thất Luồng. B. Vạn lí trường thành. C. Kim tự tháp. D. Đền Pác tê nông

Câu 37. Một trong những phát minh lớn về kĩ thuật của người Trung Hoa thời cổ đại là

- A. máy tính điện tử. B. kĩ thuật in. C. động cơ hơi nước. C. động cơ điện.

Câu 38. Nội dung nào sau đây là điểm chung của nền văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa thời kì

cổ - trung đại?

A. Là quê hương của một số tôn giáo lớn

B. Tiếp thu sáng tạo chữ viết từ bên ngoài.

C. Có nền kinh tế thương nghiệp là chủ đạo.

D. Điều thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

Câu 39. Nội dung nào sau đây là điểm khác biệt giữa văn minh Trung Hoa thời kì cổ - trung đại với văn minh Ai Cập thời kì cổ đại?

A. Có nền kinh tế nông nghiệp là chủ đạo

B. Thành tựu văn minh đa dạng, phong phú

C. Lầy Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống

D. Sớm sáng tạo ra chữ viết riêng của dân tộc

Câu 40. Về chữ viết, người Hy Lạp cổ đại đã sáng tạo ra

A. chữ La-tinh.

B. chữ La Mã.

C. hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái.

D. hệ thống chữ số.

Câu 41. I-li-at và Ô-đi-xê là bản anh hùng ca nổi tiếng của nước nào thời cổ đại?

A. Hy Lạp.

B. Ai Cập.

C. Rô-ma.

D. Trung Quốc.

Câu 42. Người La Mã cổ đại đã sáng tạo ra loại chữ viết nào sau đây?

A. Chữ Hán.

B. Chữ hình nêm.

C. Chữ Phạn.

D. Chữ La-tinh.

Câu 43. Hai bộ sử thi nào sau đây đã đặt nền móng cho văn học Hy Lạp - La Mã cổ đại?

A. I-li-át và Ô-đi-xê.

B. A-chi-lút và Xô-phô-clơ.

C. Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na. D. Vua Ô-đíp và Những phụ nữ thành Tơ-roa.

Câu 44. Ai là tác giả của hai bộ sử thi nổi tiếng I-li-át và Ô-đi-xê?

A. Pi-ta-go.

B. Ta-lét.

C. Hô-me.

D. Ác-si-mét.

Câu 45. Định luật về Toán học nào của cư dân Hy Lạp cổ đại vẫn còn được giảng dạy trong chương trình giáo dục hiện nay?

A. Định lí Pi-ta-go.

B. Định luật Niu-ton.

C. Định luật bảo toàn năng lượng.

D. Định luật bảo toàn khối lượng.

Câu 46. Người nước nào đã tính được một năm có 365 ngày và 1/4, nên họ định một tháng có 30 ngày và 31 ngày, riêng tháng hai có 28 ngày?

A. Hy Lạp.

B. Ai Cập.

C. Trung Quốc.

D. Rô-ma.

Câu 47. Phong trào Văn hóa Phục hưng (thế kỉ XV - XVII) diễn ra đầu tiên ở quốc gia nào?

A. Anh

B. I-ta-li-a.

C. Tây Ban Nha.

D. Pháp.

Câu 48. Đại diện tiêu biểu nhất của Phong trào văn hóa Phục hưng trong lĩnh vực hội họa là ai?

A. Rem-bran.

B. Van-Gốc.

C. Lê-vi-tan.

D. Lê-ô-na đơ Vanh-xi.

Câu 49. Kiệt tác nhân loại *Bữa ăn tối cuối cùng* gắn liền với tên tuổi họa sĩ nào?

A. Pablo Picasso.

B. Vincent van Gogh.

C. Lê-ô-na đơ Vanh-xi.

D. Paul Cézanne.

Câu 50. Trong các thế kỉ XIV - XVII, giai cấp tư sản đang lên ở châu Âu đã chống lại giáo lí của tôn giáo nào?

A. Hồi giáo.

B. Cơ Đốc giáo.

C. Phật giáo.

D. Ấn Độ giáo.

Câu 51. Một trong những tác phẩm nổi tiếng của nhà soạn kịch Sếch-xpia là

A. Đôn-ki-hô-tê.

B. Rô-mê-ô và Giu-li-ét.

C. Bữa tối cuối cùng.

D. Nàng Mô-na Li-sa.

Câu 52. Một trong những tác phẩm nổi tiếng của danh họa Lê-ô-na đơ Vanh-xi là bức tranh

A. Nàng Mô-na Li-sa.

B. Sự sáng tạo của A-đam.

- C. Trường học A-ten. D. Đánh nhau với cối xay gió.
- Câu 53.** Trong tác phẩm của mình, các nhà văn hóa thời Phục hưng đã đề cao
- A. giáo lí của Thiên Chúa giáo. **B. giá trị con người và quyền tự do cá nhân.**
- C. trật tự và lễ giáo phong kiến. D. quá trình cướp bóc và buôn bán nô lệ.
- Câu 54.** Những thành tựu khoa học, kĩ thuật của người Hy Lạp - La Mã cổ đại có ý nghĩa như thế nào?
- A. Là nguồn gốc của những thành tựu khoa học kĩ - thuật phương Đông cổ đại.
- B. Đưa loài người bước vào kỉ nguyên công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
- C. Đặt nền tảng cho sự phát triển của khoa học, kĩ thuật thế giới giai đoạn sau.**
- D. Là một trong những cơ sở dẫn tới sự ra đời của văn minh phương Tây cổ đại.
- Câu 55.** So với nền văn hóa cổ đại phương Đông thì nền văn hóa cổ đại phương Tây được đánh giá là
- A. có nhiều nhà khoa học lớn và có nhiều lĩnh vực được nghiên cứu hơn.
- B. tất cả các lĩnh vực văn hóa đều đạt trình độ hoàn hảo và có giá trị cao.
- C. hình thành muộn hơn nhưng có tính chính xác và hiểu biết cao hơn.**
- D. đều hình thành cùng thời gian nhưng văn hóa phương Đông phát triển cao hơn.
- Câu 56.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của những thành tựu văn minh Tây Âu thời kì Phục hưng?
- A. Đề cao giá trị con người và quyền tự do cá nhân, đề cao tinh thần dân tộc.
- B. Mở đường cho sự phát triển của văn minh Tây Âu trong những thế kỉ kế tiếp.
- C. Là cuộc đấu tranh công khai của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến.
- D. Góp phần củng cố và mở rộng ảnh hưởng của Giáo hội Cơ Đốc giáo.**

CHỦ ĐỀ 4, Bài 6

CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI

I. CÂU RẮC NGHIỆM

- Câu 1.** Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra đầu tiên ở
- A. Anh.** B. Đức. C. Pháp. D. Mỹ.
- Câu 2.** Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là
- A. máy kéo sợi, máy dệt, máy hơi nước, đầu máy xe lửa.**
- B. máy dệt, máy kéo sợi, máy hơi nước, máy bay.
- C. máy dệt, máy kéo sợi, ô tô, máy hơi nước.
- D. máy dệt, máy hơi nước, tàu thủy, điện thoại.
- Câu 3.** Giêm Oát là người đã phát minh ra
- A. con thoi bay. B. máy dệt. **C. máy hơi nước.** D. đầu máy xe lửa.
- Câu 4.** Cách mạng công nghiệp đã dẫn đến sự thay đổi về xã hội nước Anh như thế nào?
- A. Đưa nước Anh bước vào thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hóa.
- B. đã củng cố địa vị của giai cấp tư sản Anh.**
- C. Nước Anh được mệnh danh là "công xưởng của thế giới".
- D. Luân Đôn trở thành một trung tâm công nghiệp thế giới.
- Câu 5.** Những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là gì?

A. Máy hơi nước, điện thoại, điện, ô tô. **B. Điện, điện thoại, ô tô, máy bay.**

C. Ô tô, máy bay, máy tính, internet. D. Điện thoại, điện, ô tô, tàu hỏa.

Câu 6. Tô-mát Ê-đi-xon là người đã phát minh ra

A. bóng đèn sợi đốt trong. B. dòng điện xoay chiều. C. vô tuyến điện. D. điện thoại.

Câu 7. Người được mệnh danh “Ông vua xe hơi” nước Mỹ là ai?

A. Hen-ri Bê-sê-mơ. **B. Hen-ri Pho.** C. Ni-Cô-la Tet-la. D. Mai-con Pha-ra-đây.

Câu 8. Ai là người đã phát minh ra phương pháp sử dụng lò cao trong luyện kim?

A. A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo. **B. Hen-ri Bê-sê-mơ.**

C. Mai-con Pha-ra-đây. D. Anh em nhà Rai.

Câu 9. Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại **không** có những tác động nào sau đây?

A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động.

B. Hình thành và phát triển các trung tâm công nghiệp, thành thị.

C. Gây ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động phụ nữ, trẻ em, xâm chiếm thuộc địa.

D. Thúc đẩy toàn cầu hóa, tự động hóa, thương mại điện tử, tự do thông tin.

Câu 10. Ý nào sau đây phản ánh đúng hệ quả xã hội của cách mạng công nghiệp?

A. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động.

B. Làm thay đổi bộ mặt của các nước tư bản.

C. Thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ của các ngành kinh tế khác.

D. Làm xuất hiện hai giai cấp đối kháng là tư sản và vô sản.

Câu 11. Một trong những ý nghĩa việc phát minh ra máy hơi nước của Giêm Oát (1784) là gì?

A. Làm tăng sức lao động cơ bắp của con người.

B. Lao động bằng thủ công đã được thay thế bằng máy móc.

C. Là phát minh mở đầu cho cách mạng công nghiệp.

D. Làm thay đổi bộ mặt xã hội của nước Anh.

Câu 12. Ở thế kỉ XVIII, những tiến bộ về kĩ thuật ở Anh chủ yếu diễn ra trong các ngành nào?

A. Dệt, luyện kim và phát minh máy móc. B. Ngành luyện kim, khai thác mỏ và dệt.

C. Dệt, luyện kim và giao thông vận tải. D. Khai thác mỏ, dệt và giao thông vận tải.

Câu 13. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước?

A. biến nước Anh thành “công xưởng thế giới”.

B. lao động bằng chân tay được thay thế dần bằng máy móc.

C. tốc độ sản xuất và năng suất lao động tăng vượt bậc.

D. tạo ra nguồn động lực mới, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa.

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã làm thay đổi diện mạo các nước tư bản. Máy hơi nước đã tạo ra nguồn động lực mới, dùng máy móc thay thế sức lao động của con người, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa. Những tiến bộ về kĩ thuật cũng đã mở ra khả năng lớn trong việc thúc đẩy sản xuất, sản lượng công nghiệp tăng lên nhanh chóng. Với thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, máy móc đã thay thế cho lao động tay chân của con người và chuyển nền sản xuất từ thủ công sang cơ khí hóa.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai đã chuyển nền sản xuất từ cơ khí hóa sang điện khí hóa, làm thay đổi căn bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa”.

- a. Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã làm thay đổi diện mạo các nước tư bản. **Đ**
- b. Với sự ra đời của máy hơi nước, lần đầu tiên lao động máy móc đã thay thế cho lao động tay chân của con người. **S**
- c. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất mở ra thời kì cơ khí hóa sản xuất, còn cách mạng công nghiệp lần thứ hai mở ra thời kì điện khí hóa và tự động hóa nền sản xuất. **S**
- d. Cả hai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đều làm thay đổi cách thức sản xuất để tạo ra của cải vật chất của con người. **Đ**

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các nghiên cứu về điện có từ thời cổ đại, tuy nhiên động cơ điện đầu tiên được phát minh bởi Mai-con Pha-ra-đây (1821). Năm 1879, Ê-đi-xơn đã hoàn thiện phát minh ra bóng đèn sợi đốt trong và cùng với Giô – dép Goan thương mại hóa đèn điện giúp thắp sáng các nhà ở, thành phố, nhà xưởng. Ni-cô-lai Tét-la đã thúc đẩy sự phát triển của mạng lưới điện xoay chiều được dùng phổ biến ngày nay.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.41)

- a. Những nghiên cứu khoa học về điện đã có từ thời cổ đại, nhưng phải đến thế kỉ XIX, con người mới tạo ra được những phát minh kĩ thuật về điện đầu tiên. **Đ**
- b. Động cơ điện và các thiết bị điện là những phát minh tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. **S**
- c. Các phát minh của Mai-con Pha-ra-đây, Ê-đi-xơn, Ni-cô-lai Tét-la đã thúc đẩy việc ứng dụng nguồn năng lượng điện vào sản xuất và đời sống. **Đ**
- d. Sau khi được Ê-đi-xơn phát minh vào cuối thế kỉ XIX, bóng đèn điện đã được sản xuất hàng loạt và ứng dụng rộng rãi trong thực tế cuộc sống. **Đ**

Bài 7: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ HIỆN ĐẠI

I. CÂU TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Thời hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba còn được gọi là

- A. cách mạng 4.0. **B. cách mạng kĩ thuật số.**
C. cách mạng kĩ thuật. D. cách mạng công nghệ.

Câu 2. Quốc gia nào sau đây mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?

- A. Liên Xô.** B. Mỹ. C. Anh. D. Trung Quốc.

Câu 3. Thành tựu quan trọng đầu tiên của các mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. Ro bot. B. vệ tinh. C. tàu chiến. **D. máy tính.**

Câu 4. Trong cách mạng công nghiệp lần thứ ba, bước tiến quan trọng của ngành công nghệ thông tin là

- A. mạng kết nối Internet không dây.** B. mạng kết nối Internet có dây.
C. máy tính điện tử. D. vệ tinh nhân tạo.

Câu 6. Robot đầu tiên được cấp quyền công dân như con người là

- A. Xô-phi-a.** B. Robear. C. Paro. D. Asimo.

Câu 7. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn được gọi là

- A. cách mạng kĩ thuật số. B. cách mạng công nghiệp nhẹ.
C. cách mạng kĩ thuật. **D. cách mạng 4.0.**

Câu 8: Cách mạng 4.0 hoàn toàn tập trung vào công nghệ kĩ thuật số và

A. kết nối vạn vật thông qua Internet.

B. công cuộc chinh phục vũ trụ.

C. máy móc tự động hóa.

D. công nghệ Robot.

Câu 9. Robot trí tuệ nhân tạo đầu tiên của Việt Nam chế tạo phục vụ cho ngành

A. Kinh tế.

B. Giáo dục.

C. Quân sự.

D. Công nghệ thông tin.

Câu 10. Kho dữ liệu khổng lồ rất quan trọng trong sự phát triển của công nghệ trong thời đại 4.0 đó là

A. Cloud.

B. AI.

C. In 3D.

D. Big Data.

Câu 11. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm mờ ranh giới giữa vật lý, sinh học và

A. kỹ thuật số.

B. hóa học.

C. internet.

D. trí tuệ nhân tạo.

Câu 12. Thành tựu trong công cuộc chinh phục vũ trụ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba gắn liền với hai cường quốc Mỹ và

A. Anh.

B. Trung Quốc.

C. Liên Xô.

D. Ấn Độ.

Câu 13. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Loài người bước đầu tiến lên nền văn minh công nghiệp.

B. Nhân loại đã trải qua nhiều cuộc cách mạng công nghiệp.

C. Con người bước đầu ứng dụng tự động hóa trong sản xuất.

D. Chủ nghĩa tư bản trở thành hệ thống duy nhất trên thế giới.

Câu 14. Thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư **không** bao gồm

A. internet.

B. máy hơi nước.

C. công nghệ thông tin.

D. máy tính.

Câu 15. Tự động hóa và công nghệ Robot ra đời có điểm hạn chế là gì?

A. Nguy cơ người lao động bị mất việc làm.

B. Gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

C. Gây ra sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

D. Con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.

Câu 16. Những thành tựu đạt được trong các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đã đưa loài người bước sang thời đại

A. “văn minh công nghiệp”.

B. “văn minh nông nghiệp”.

C. “văn minh thông tin”.

D. “văn minh siêu trí tuệ”.

Câu 17. Ý nào sau đây **không** phải là thành tựu cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ ba?

A. Trí tuệ nhân tạo (AI).

B. Mạng Internet không dây.

C. Máy tính.

D. Chinh phục vũ trụ.

Câu 18. Chức năng chính của Xôphia - robot đầu tiên được cấp quyền công dân là

A. làm việc trong dây chuyền sản xuất.

B. dọn dẹp.

C. trò chuyện với con người.

D. chinh phục vũ trụ.

Câu 19. Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã dẫn tới sự ra đời của

A. Chủ nghĩa tư bản hiện đại.

B. Chủ nghĩa phát xít.

C. Chủ nghĩa quân phiệt.

D. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.

Câu 20. Năm 1946, sự ra đời của máy tính ENIAC đã góp phần quan trọng trong việc đặt nền móng cho

A. mạng internet.

B. máy tính điện tử.

C. công nghệ in 3D.

D. công nghệ na-nô.

Câu 21. Quá trình xây dựng tòa nhà bằng công nghệ in 3D so với cách xây dựng khác sẽ có ưu điểm gì?

A. Sản phẩm đẹp và bền hơn.

B. Giá thành cạnh tranh.

C. Tiết kiệm nhân lực và chi phí.

D. Chịu nhiệt độ cao hơn.

Câu 22. Sự phát triển của Internet hiện nay làm cho việc tìm kiếm và chia sẻ thông tin vô cùng nhanh chóng và thuận tiện, tuy nhiên nó cũng có hạn chế về

A. thay đổi thể giới quan của con người.

B. dễ bị thâm nhập, đánh mất dữ liệu cá nhân.

C. con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.

D. tính chính xác của thông tin được chia sẻ.

Câu 23. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với sự phát triển kinh tế?

A. Góp phần mở rộng và đa dạng hóa các hình thức sản xuất và quản lí.

B. Giúp tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng sản phẩm.

C. Thúc đẩy quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

D. Đưa loài người chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp.

Câu 24. Năm 1957, Liên Xô phóng lên quỹ đạo vệ tinh nhân tạo Xpút-nich 1 đã có ý nghĩa như thế nào đối với nhân loại?

A. Thúc đẩy sản xuất phát triển vượt bậc, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa.

B. Là cơ sở cho sự ra đời và phát triển của động cơ điện.

C. Là sự kiện mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

D. Thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhiều ngành kinh tế khác

Câu 25. Thành tựu nào trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư được sử dụng trong các lĩnh vực quản lý đô thị, thời trang?

A. Internet vạn vật.

B. Trí tuệ nhân tạo.

C. Công nghệ in 3D.

D. Công nghệ na-nô.

Câu 26. Một trong những khó khăn cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là

A. chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

B. lao động giản đơn trong các dây chuyền sản xuất có nguy cơ bị thay thế.

C. số lượng công nhân trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

D. số lượng, chất lượng công nhân trong doanh nghiệp nhà nước giảm nhanh.

II. CÂU RẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 27. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0) bắt đầu từ đầu thế kỉ XXI. Mỹ, Đức, Nhật Bản, Anh, Pháp, Trung Quốc,...là những quốc gia đi đầu trong cuộc cách mạng này.

Thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là kỹ thuật số, công nghệ sinh học và công nghệ liên ngành, đa ngành.

Những yếu tố cốt lõi của kỹ thuật số trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet kết nối vạn vật (IoT) và Dữ liệu lớn (Big Data).

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.41)

a. Cho đến nay, loài người đã trải qua ba cuộc cách mạng công nghiệp và đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. **Đ**

b. Mỹ là quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, đồng thời là một trong những quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. **Đ**

c. Nhật Bản là quốc gia duy nhất ở châu Á khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. **S**

d. Internet kết nối vạn vật là một trong những yếu tố cốt lõi của công nghệ số trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. **Đ**

Câu 28. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Xô – phi – a là rô – bốt đầu tiên trong lịch sử được A – rập Xê – út cấp quyền công dân như con người vào ngày 25 - 10 - 2017. Xô – phi – a được kích hoạt vào ngày 19 – 4 – 2015 tại Mỹ, được trang bị công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ nhận diện khuôn mặt, giọng nói và khả năng xử lý dữ liệu bằng hình ảnh. Rô – bốt này có khả năng trò chuyện và được kì vọng có thể phục vụ trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, dịch vụ khách hàng hay giáo dục”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ chân trời sáng tạo,

tr.56)

a. Rô-bốt Xô-phi-a là rô-bốt đầu tiên trên thế giới mà con người sáng tạo ra. **S**

b. Rô-bốt Xô-phi-a là một sản phẩm của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. **Đ**

c. Rô-bốt Xô-phi-a là một trong những thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực công nghệ sinh học. **S**

d. Rô-bốt Xô-phi-a được sáng chế ra vào đầu thế kỉ XXI nhằm phục vụ trực tiếp cho cuộc sống của con người trên nhiều lĩnh vực. **Đ**

CHỦ ĐỀ 5, Bài 8.

**HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á
THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI**

I. CÂU TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Công trình kiến trúc nào **không** thuộc Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

A. Đền tháp Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a). **B. Kinh thành Huế (Việt Nam).**

C. Đền Ăng-co-vát (Cam-pu-chia). D. Chùa Vàng (Mi-an-ma).

Câu 2. Từ thế kỉ VII đến cuối thế kỉ XV là giai đoạn văn minh Đông Nam Á

A. bước đầu hình thành. B. bước đầu phát triển.

C. phát triển rực rỡ. D. tiếp tục phát triển.

Câu 3. Văn minh phương Tây bắt đầu ảnh hưởng đến Đông Nam Á trong giai đoạn

A. đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. B. thế kỉ VII đến thế kỉ XV.

C. thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX. D. thế kỉ XIX đến nay.

Câu 4. Ba nhóm chính trong tín ngưỡng bản địa của Đông Nam Á **không** bao gồm

A. tín ngưỡng sùng bái tự nhiên. B. tín ngưỡng phồn thực.

C. tín ngưỡng thờ cúng người đã mất. **D. Phật giáo, Nho giáo.**

Câu 5. Thế kỉ XVI, tôn giáo mới du nhập từ phương Tây đến Đông Nam Á là

A. Phật giáo. B. Hin-đu giáo. C. Hồi giáo. **D. Công giáo.**

Câu 6. Hồi giáo du nhập vào Đông Nam Á từ thế kỉ XIII là tôn giáo có nguồn gốc từ

A. bán đảo Ả Rập. B. Ấn Độ. C. Trung Quốc. D. Địa Trung Hải.

Câu 7. Trước khi sáng tạo ra chữ viết riêng, một số cư dân Đông Nam Á sử dụng

A. chữ viết cổ của Ấn Độ. B. chữ Chăm cổ.

C. chữ Khơ-me cổ. C. chữ Nôm.

Câu 8. Thể loại văn học dân gian ra đời ở Đông Nam Á thời cổ trung đại là

A. truyện ngắn. B. kí sự. C. tản văn. **D. thần thoại.**

Câu 9. Sau khi chữ viết ra đời cư dân Đông Nam Á cổ - trung đại đã tạo dựng nền văn học

A. dân gian. **B. viết.** C. chữ Hán. D. chữ Phạn.

Câu 10. Thời cổ trung đại, Hin-đu giáo du nhập vào Đông Nam Á là tôn giáo có nguồn gốc từ

A. Trung Quốc. B. phương Tây. **C. Ấn Độ.** D. Ả Rập.

Câu 11. Nghệ thuật kiến trúc Đông Nam Á thời kì cổ trung đại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ kiến trúc Hồi giáo và kiến trúc

A. Ấn Độ. B. Trung Hoa. C. phương Tây. D. Nhật Bản.

Câu 12. Quần thể chùa tháp Pa-gan là một trung tâm kiến trúc kì vĩ nằm ở quốc gia Đông Nam Á nào?

A. Cam-pu-chia. **B. Mi-an-ma.** C. Ma-lai-xi-a. D. Thái Lan.

Câu 14. Ý nào sau đây **không** thể hiện nội dung của dòng văn học dân gian ở Đông Nam Á thời cổ đại?

A. Giải thích về nguồn gốc thế giới, loài người. B. Phản ánh hoạt động sản xuất nông nghiệp.
C. Ca ngợi đất nước, sự tiến bộ của kĩ thuật. D. Thể hiện đời sống vật chất, tinh thần.

Câu 16. Đền, chùa, tháp là các công trình kiến trúc thuộc dòng kiến trúc

A. dân gian. **B. tôn giáo.** C. cung đình. D. tâm linh.

Câu 17. Những tác phẩm điêu khắc nào sau đây **không** mang tính chất tôn giáo?

A. tượng thần. B. tượng Phật. C. phù điêu. **D. chạm nổi hình rồng.**

Câu 18. Thời cổ đại, các nước Đông Nam Á sáng tạo thành chữ viết của mình trên cơ sở tiếp nhận nhiều chữ viết từ bên ngoài, ngoại trừ

A. chữ La-tinh. B. chữ Phạn. C. chữ Hán. D. chữ A-rập.

Câu 19. Công trình nào sau đây thuộc kiến trúc Phật giáo điển hình?

A. Đền tháp Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a). B. Kinh thành Huế (Việt Nam).
C. Lăng Ta-giơ Ma-han (Ấn Độ). D. Thánh địa Mỹ Sơn (Việt Nam).

Câu 20. Ngoài ảnh hưởng sâu sắc từ Ấn Độ và Trung Hoa, văn học Đông Nam Á còn chịu ảnh hưởng từ văn học

A. phương Tây và Nhật Bản. **B. Ả Rập và phương Tây.**
C. Nhật Bản và Ả Rập. D. Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 21. Thế kỉ XI-XII, trên cơ sở tiếp thu một phần chữ Hán của Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo ra chữ viết riêng là

A. chữ Chăm cổ. **B. chữ Nôm.**
C. chữ Khơ-me cổ. D. chữ Mã Lai cổ.

Câu 22. Đông Nam Á là khu vực đa tôn giáo, nhìn chung các tôn giáo ở đây

A. cùng tồn tại và phát triển hòa hợp.
B. cùng tồn tại, phát triển nhưng ít hòa hợp.
C. phát triển độc lập, đôi lúc có xung đột.
D. không thể cùng tồn tại, phát triển lâu dài.

Câu 23. Văn học Việt Nam thời phong kiến chịu ảnh cả về hình thức và nội dung từ văn học

A. Ấn Độ. B. Nhật Bản. **C. Trung Quốc.** D. phương Tây.

Câu 24. Tác phẩm văn học viết nào của Việt Nam thời phong kiến còn được lưu giữ đến ngày nay?

A. Kim Vân Kiều. B. Sử thi đẻ đất, đẻ nước.
C. Ra-ma-ya-na. **D. Truyện Kiều.**

Câu 25. Một trong những minh chứng cho sự phát triển đến đỉnh cao của nghệ thuật tạo hình bản địa ở Đông Nam Á thời kì cổ đại là

- A. khu đền tháp Mỹ Sơn (Việt Nam). **B. trống đồng Đông Sơn (Việt Nam).**
C. chùa Phật Ngọc (Thái Lan). D. Ăng-co Thom (Cam-pu-chia).

Câu 26. Ngày nay ở Đông Nam Á, quốc gia nào được xem là quốc gia Hồi giáo lớn nhất?

- A. Ma-lai-xi-a. **B. In-đô-nê-xi-a.** C. Phi-lip-pin. D. Mi-an-ma.

Câu 27. “Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mừng Mười tháng ba”

Ngày giỗ tổ Hùng Vương của Việt Nam hàng năm là một biểu hiện của hình thức thức tín ngưỡng, tôn giáo nào?

- A. Phật giáo. B. Tín ngưỡng thờ thần.
C. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. D. Hin-đu giáo.

Câu 28. Ý nào sau đây là nguy cơ của nền văn minh Đông Nam Á trước xu thế toàn cầu hóa của nhân loại hiện nay?

- A. Phát triển ngày càng đa dạng, phong phú hơn.
B. Tiếp nhận thêm nhiều yếu tố văn hóa mới tích cực.
C. Đánh mất dần bản sắc văn hóa của các dân tộc.
D. Học hỏi được những tiến bộ kỹ thuật bên ngoài.

II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 29. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Từ xa xưa, nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia có nền nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á. Từ đó, những lễ hội té nước mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống xuất hiện nhằm mục đích cầu mong mùa màng tươi tốt, quốc thái dân an, cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Lễ hội té nước còn là nghi thức đón năm mới ở một số nước Đông Nam Á. Lễ hội ở mỗi đất nước có tên gọi khác nhau (Thinh – an ở Mi – an – ma, Song – kơ – ran ở Thái Lan, Bun – pi – mây ở Lào, Chôl Chnăm Thmây ở Cam – pu – chia) nhưng được tổ chức cùng một mốc thời gian với các hoạt động văn hóa đặc sắc và những nghi lễ mang nhiều nét tương đồng”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, Bộ chân trời sáng tạo, tr.58)

- a. Lễ hội té nước là một tín ngưỡng đặc sắc của khu vực Đông Nam Á. **Đ**
b. Nền kinh tế nông nghiệp lúa nước đóng vai trò chủ đạo là một trong những nguồn gốc sâu xa hình thành nên lễ hội té nước ở các quốc gia Đông Nam Á. **Đ**
c. Lễ hội té nước có nhiều tên gọi khác nhau, được tổ chức ở nhiều thời điểm khác nhau ở các nước Đông Nam Á. **S**
d. Lễ hội té nước cũng đồng thời là nghi thức đón năm mới của tất cả các quốc gia Đông Nam Á. **S**

Câu 30. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tháp That Luông được xây dựng vào thế kỉ XVI dưới triều vua Xet – tha – thi – lạt là tháp Phật giáo lớn nhất ở Lào và cũng là một trong những công trình tháp Phật giáo lớn nhất ở Đông Nam Á. Ngôi chùa tháp này đã trở thành biểu tượng quốc gia, được in trên tiền giấy và quốc huy của Lào, đồng thời cũng là một trong những công trình kiến trúc, điêu khắc thể hiện sự phát triển rực rỡ của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.

- a. Tháp That Luông là một công trình kiến trúc nổi tiếng ở khu vực Đông Nam Á thuộc dòng kiến trúc cung đình. **S**
b. Tháp That Luông là một minh chứng cho sự du nhập đạo Phật vào nước Lào từ đất nước Ấn Độ. **Đ**

- c. Tháp That Luông đã trở thành biểu tượng của quốc gia Lào, được in trên quốc kì của nước Lào. **S**
- d. Tháp That Luông là một trong những công trình kiến trúc, điêu khắc nổi bật của văn minh Đông Nam Á còn tồn tại đến ngày nay. **D**

PHẦN TỰ LUẬN

1. Hãy nêu 2 ví dụ cụ thể trong đời sống hằng ngày thể hiện tác động của Cách mạng công nghiệp hiện đại đối với con người.
2. Trình bày đặc điểm nổi bật của Cách mạng công nghiệp thời hiện đại so với các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó.
3. Theo em, Cách mạng công nghiệp thời hiện đại đã tác động như thế nào đến việc học tập của học sinh THPT hiện nay? (Chỉ ra mặt tích cực và hạn chế)
4. Theo em, khi trí tuệ nhân tạo phát triển, máy móc có thể hoàn toàn thay thế con người không? Vì sao?
5. Cư dân Đông Nam Á có đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo như thế nào? Các quốc gia nào ở Đông Nam Á chịu ảnh hưởng sâu sắc của tôn giáo Ấn Độ?
